

Số /BC-TrH

Vĩnh Bảo, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 – 2026

I. QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP

1.1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

- Tổng số lớp: 16 lớp, tăng 01 lớp so với cùng kỳ năm học trước.
- Tổng số học sinh: 691 em, tăng 36 em so với cùng kỳ năm học trước.

Trong đó:

- + Khối 6: 170 học sinh / 04 lớp.
- + Khối 7: 171 học sinh / 04 lớp.
- + Khối 8: 194 học sinh / 04 lớp.
- + Khối 9: 156 học sinh / 04 lớp.

Trong học kỳ I không có học sinh bỏ học. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương xã Vĩnh Bảo để làm tốt công tác phổ cập giáo dục, đảm bảo 100% học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào học lớp 6.

1.2. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

1.2.1. Đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục

Nhà trường chú trọng xây dựng đội ngũ có phẩm chất đạo đức tốt, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB-GV-NV): 30 người (Biên chế: 29; Hợp đồng: 01); tăng 03 người so với cùng kỳ năm học trước.

+ Ban giám hiệu: 02 người.

+ Giáo viên đứng lớp: 27 người (Biên chế: 26 người; Hợp đồng: 01 người).

+ Nhân viên: 01 người (Kế toán).

- Trình độ đào tạo:

+ Đạt chuẩn (Cử nhân trở lên): 30 người (Tỷ lệ 100%).

+ Trên chuẩn (Thạc sĩ): 02 người.

- Chất lượng đội ngũ:

+ 100% cán bộ, giáo viên có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn.

+ Tập thể sư phạm đoàn kết, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và quản lý.

- So với chỉ tiêu biên chế huyện/xã giao năm 2025 trường còn thiếu 01 nhân viên (Giao 30 biên chế).

- So với thực tiễn số lớp: Thiếu 08 biên chế (trong đó, giáo viên thiếu 04, nhân viên thiếu 04).

1.2.2. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục

a) Về hệ thống phòng học và phòng chức năng:

- Duy trì 16 phòng học, đảm bảo 100% các lớp có phòng học riêng biệt. Hệ thống chiếu sáng, quạt mát và bàn ghế đúng quy chuẩn được duy trì và sửa chữa kịp thời ngay từ đầu năm học.

- Các phòng thí nghiệm Lý - Công nghệ, Hóa - Sinh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật được sắp xếp khoa học, đảm bảo an toàn cháy nổ và vệ sinh học đường. Phòng Tin học hiện có 25 máy tính hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu thực hành của học sinh khối 6, 7, 8, 9.

- Thư viện: Đạt chuẩn quốc gia, đã triển khai số hóa một phần danh mục sách giúp giáo viên và học sinh tra cứu tài liệu nhanh chóng, phục vụ hiệu quả phong trào đọc và tự học.

b) Thiết bị dạy học và Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT):

- 100% các phòng học đã được trang bị Tivi thông minh có kết nối Internet tốc độ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên khai thác học liệu số và bài giảng điện tử.

- Nhà trường đã rà soát, mua sắm bổ sung và đưa vào sử dụng các bộ thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình GDPT 2018.

- Việc mượn trả thiết bị được thực hiện nghiêm túc qua sổ theo dõi, đảm bảo tài sản công được giữ gìn và sử dụng đúng mục đích.

c) Cảnh quan môi trường và an toàn trường học:

- Khuôn viên trường được cải tạo với hệ thống cây xanh, bồn hoa, tạo không gian "Trường học thân thiện". Hệ thống nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh thường xuyên được dọn dẹp, đảm bảo sạch sẽ, có đủ nước sạch.

- Hệ thống camera giám sát tại các khu vực trọng yếu hoạt động ổn định. Tường bao, cổng trường được kiên cố hóa, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh trong thời gian học tập tại trường.

*** Một số tồn tại cần khắc phục:**

- Một số thiết bị thí nghiệm cũ đã xuống cấp, độ chính xác không cao, cần được thay thế. Tỷ lệ khai thác, sử dụng thiết bị trong các tiết dạy thực hành chưa cao.

- Một số phòng học bộ môn chưa có hoặc thiếu thiết bị phục vụ cho việc dạy và học (Phòng học bộ môn Ngoại Ngữ, Phòng học bộ môn Mỹ thuật).

- Số lượng danh mục sách được thực hiện số hóa còn ít, việc tra cứu tài liệu trên thư viện số của giáo viên và học sinh còn nhiều hạn chế.

- Khu vực bãi tập của học sinh phía sau trường hiện không sử dụng được do địa phương đang cho thuê để kinh doanh các dịch vụ thể thao. Học sinh chủ yếu tập luyện trong nhà đa năng.

1.3. Kết quả thực hiện PCGD THCS

1.3.1. Về quản lý, chỉ đạo thực hiện

- Nhà trường đã chủ động tham mưu với UBND xã Vĩnh Bảo kiện toàn Ban chỉ đạo PCGD-XMC. Phân công trách nhiệm cụ thể cho cán bộ quản lý và giáo viên phụ trách từng địa bàn dân cư.

- Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch PCGD THCS ngay từ đầu năm học, gắn liền với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tập trung vào mục tiêu duy trì bền vững kết quả Phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

- Chỉ đạo đội ngũ giáo viên phối hợp với các trưởng thôn thực hiện rà soát đối tượng trong độ tuổi từ 11 đến 18. Đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống" trên hệ thống quản lý dữ liệu dân cư và phần mềm phổ cập.

- Nhà trường phối hợp với các đoàn thể (Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội khuyến học) đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quyền lợi và trách nhiệm học tập của công dân, hạn chế tối đa tình trạng học sinh có nguy cơ bỏ học.

1.3.2. Công tác kiểm tra, công nhận, quản lý phổ cập

- Tổ chức kiểm tra chéo hồ sơ giữa các giáo viên phụ trách địa bàn để đảm bảo tính chính xác của các phiếu điều tra. Hoàn thiện bộ hồ sơ PCGD theo đúng quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT, bao gồm: Sổ theo dõi phổ cập, danh sách đối tượng, các bảng biểu thống kê và báo cáo tự kiểm tra.

- Duy trì việc cập nhật thông tin học sinh đi, đến, tốt nghiệp và chuyển lớp lên phần mềm Quản lý phổ cập giáo dục và xóa mù chữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo một cách thường xuyên, khoa học.

- Hồ sơ PCGD được lưu trữ khoa học, đầy đủ, sẵn sàng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra của các cấp quản lý.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục (KHGD) theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH và Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH.

+ KHGD được xây dựng dựa trên việc rà soát chương trình, tinh giản các nội dung trùng lặp và sắp xếp lại các bài học theo logic chủ đề, phù hợp với đặc thù địa phương và năng lực học sinh trường Tân Hưng – Thị Trấn.

+ Kế hoạch giáo dục của các tổ chuyên môn, kế hoạch giáo dục của giáo viên và kế hoạch bài dạy (giáo án) được phê duyệt đúng quy định, đảm bảo khung thời gian 35 tuần thực học.

- Nhà trường đã triển khai dạy học 2 buổi/ngày nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện:

+ Nội dung: Tập trung vào việc củng cố kiến thức, phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi và ôn thi cuối cấp cho học sinh lớp 9.

+ Thời lượng:

* Khối 6, 7, 8 (Tập trung bồi dưỡng học sinh giỏi các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Riêng khối 8 thêm môn Toán và KHTN bằng Tiếng Anh): 02 tiết/tuần/môn.

* Khối 9 (Tập trung ôn thi vào 10): 02 tiết/tuần/môn, ưu tiên các môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh.

- Việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

+ Công tác thiết kế kế hoạch bài dạy (KHBD):

100% giáo viên nhà trường đã chuyển đổi hoàn toàn sang hình thức soạn thảo kế hoạch bài dạy theo cấu trúc các hoạt động học. Việc thiết kế không còn tập trung vào "truyền thụ kiến thức" mà tập trung vào "tổ chức hoạt động".

100% giáo viên soạn bài theo định hướng phát triển năng lực. Tiến trình dạy học được thiết kế thành các hoạt động (Khởi động - Khám phá - Luyện tập - Vận dụng) giúp học sinh chủ động chiếm lĩnh kiến thức. Các nhiệm vụ học tập được giao cho học sinh một cách cụ thể, rõ ràng về mục tiêu, nội dung và sản phẩm cần đạt.

+ Phát huy tính chủ động, tự học của học sinh:

Giáo viên đóng vai trò là người thiết kế, tổ chức và trọng tài; học sinh là trung tâm, chủ động thực hiện nhiệm vụ thông qua làm việc nhóm, thảo luận và thuyết trình.

Nhà trường đã thành công trong việc kết hợp dạy học trên lớp và ngoài lớp học:

Trên lớp: Tận dụng tối đa thiết bị dạy học số, sơ đồ tư duy và các trò chơi học tập để kích thích sự hứng thú.

Ngoài lớp học: Giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị bài qua các phiếu học tập, thực hiện các dự án nhỏ, quan sát thực tế tại địa phương (đặc biệt là các nội dung liên quan đến Giáo dục địa phương và Khoa học tự nhiên).

+ Hiệu quả đạt được:

Về phía học sinh: Học sinh không còn thụ động ghi chép; kỹ năng tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu hỗ trợ được cải thiện rõ rệt. Đa số học sinh tự tin hơn trong việc trình bày quan điểm cá nhân và tranh luận chuyên môn.

Về chất lượng giáo dục: Việc thiết kế tiến trình học tập bài bản đã giúp tỷ lệ học sinh đạt mức Khá, Giỏi trong học kỳ I tăng 2,97% so với cùng kỳ năm trước. Các sản phẩm học tập (video, bài thuyết trình, mô hình) của học sinh ngày càng đa dạng và có chất lượng chuyên môn tốt.

* Đánh giá chung: Việc xây dựng KHBD theo hướng tăng cường tính chủ động đã đi vào thực chất, không còn hình thức. Đây là nhân tố quyết định giúp nhà trường thực hiện thắng lợi mục tiêu của Chương trình GDPT 2018 trong học kỳ I vừa qua.

+ Chủ đề giáo dục STEM: Tổ KHTN thực hiện được 01 chủ đề STEM/học kỳ. Các sản phẩm STEM của học sinh thể hiện tính sáng tạo và ứng dụng cao.

+ Chuyên đề cấp trường: Hai tổ chuyên môn đã thực hiện được 13 chuyên đề theo hướng nghiên cứu bài học, có sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học.

+ Tham dự đầy đủ các chuyên đề cấp thành phố theo sự phân công, điều động của UBND xã và lãnh đạo cụm chuyên môn.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

+ Khó khăn: Một số thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình GDPT 2018 còn thiếu và chưa đồng bộ. Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường còn gặp khó khăn về kinh phí và phương tiện di chuyển.

+ Hạn chế: Một bộ phận nhỏ giáo viên lớn tuổi còn lúng túng trong việc ứng dụng các phần mềm mô phỏng phức tạp trong KHBD.

+ Nguyên nhân: Do điều kiện kinh tế địa bàn xã thuần nông nên công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế. Nguồn ngân sách cấp cho mua sắm trang thiết bị còn hạn hẹp, chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn của nhà trường.

2.2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học

a) Kết quả triển khai đổi mới phương pháp và hình thức dạy học:

- Xây dựng Kế hoạch bài dạy (Giáo án)

+ Chất lượng chuẩn bị: 100% giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy bám sát phụ lục IV Công văn 5512/BGDĐT. Kế hoạch thể hiện rõ chuỗi hoạt động học: *Xác định vấn đề -> Hình thành kiến thức -> Luyện tập -> Vận dụng.*

+ Thiết bị và học liệu: Tận dụng tối đa các thiết bị dạy học hiện có và ứng dụng mạnh mẽ CNTT (sử dụng Canva, Quizizz, Phet, học liệu số) để tăng tính trực quan.

+ Phương án kiểm tra: Chuyển dịch từ đánh giá điểm số sang đánh giá quá trình thông qua bảng kiểm (checklist), rubrics và nhận xét trực tiếp trên sản phẩm của học sinh.

- Rèn luyện phương pháp tự học và chủ động của học sinh

+ Giao nhiệm vụ: Giáo viên không còn "đọc chép" mà đóng vai trò người hướng dẫn. Học sinh được giao nhiệm vụ nghiên cứu bài học trước qua phiếu học tập.

+ Tương tác tại lớp: Dành ít nhất 50-60% thời lượng tiết học cho học sinh thảo luận nhóm, trình bày và tranh biện. Việc "bảo vệ kết quả học tập" giúp học sinh phát triển tư duy phản biện và năng lực ngôn ngữ.

b) Kết quả thực hiện giáo dục STEM và Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) - Hướng nghiệp

Đây là nội dung trọng tâm của Chương trình GDPT 2018, kết quả được đánh giá qua 3 giai đoạn:

- Công tác lập kế hoạch: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học, tích hợp các bài học STEM vào chương trình môn Toán, Khoa học tự nhiên, Công nghệ. HĐTN được thiết kế theo chủ đề từng tháng.

- Triển khai thực hiện:

+ STEM: Tổ chức thành công các "Bài học STEM" trong chương trình chính khóa và "Hoạt động trải nghiệm STEM" cấp trường.

+ HĐTN-HN: Tổ chức các buổi tham quan hướng nghiệp, mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề về lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với đặc thù địa phương Vĩnh Bảo.

- Kiểm tra, đánh giá: Đánh giá thông qua sản phẩm thực tế (mô hình, báo cáo nghiên cứu) và sự thay đổi trong thái độ của học sinh.

c) Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

- Khó khăn, hạn chế:

- + Về phương pháp: Một số tiết học còn "diễn", chưa thực chất đi sâu vào phát triển năng lực cá nhân của học sinh yếu.

- + Về STEM: Các sản phẩm STEM đa số dừng lại ở mức độ mô hình, tính ứng dụng thực tế cao còn hạn chế.

- + Về cơ sở vật chất: Một số phòng chức năng chưa đáp ứng cho các hoạt động trải nghiệm quy mô lớn.

- + Về kiểm tra đánh giá: Việc đánh giá bằng nhận xét (định tính) còn gây áp lực về hồ sơ sổ sách cho giáo viên.

- Nguyên nhân:

- + Do sĩ số lớp học còn đông, khó quán xuyến hết từng cá nhân trong các hoạt động nhóm.

- + Thiếu kinh phí mua vật tư chuyên dụng và quỹ thời gian của học sinh bị hạn hẹp bởi các môn văn hóa khác.

- + Do điều kiện hạ tầng đang trong quá trình nâng cấp, trang thiết bị kỹ thuật số đôi khi gặp sự cố đường truyền.

- + Hệ thống quản lý điểm số trực tuyến đôi khi chưa đồng bộ hoàn toàn với các tiêu chí nhận xét định tính mới.

2.3. Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh

- Việc thực hiện đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT:

- + 100% giáo viên nhà trường đã nắm vững và thực hiện nghiêm túc quy trình đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo Thông tư 22.

- + Có sự kết hợp chặt chẽ giữa giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm trong việc theo dõi sự tiến bộ về phẩm chất và năng lực của học sinh theo từng tháng.

- + Hình thức đánh giá:

- * Đánh giá bằng nhận xét: Thực hiện thường xuyên, liên tục trong các tiết học, giúp học sinh nhận ra điểm mạnh và điểm yếu ngay lập tức.

- * Đánh giá bằng điểm số: Đảm bảo đủ số đầu điểm thường xuyên và định kỳ theo đúng quy định cho từng môn học.

- Việc xây dựng ma trận, bảng đặc tả và đề kiểm tra
- + Các bài kiểm tra định kỳ (Giữa kỳ và Cuối kỳ) đều được xây dựng dựa trên Ma trận và Bảng đặc tả chi tiết. Điều này đảm bảo đề kiểm tra bám sát "Yêu cầu cần đạt" của chương trình GDPT 2018.
- + Cấu trúc đề: Phân hóa rõ rệt 4 mức độ: *Nhận biết - Thông hiểu - Vận dụng - Vận dụng cao* (thường theo tỷ lệ 4:3:2:1 hoặc 3:4:2:1 tùy đặc thù môn học).
- + Đề bài tăng cường các câu hỏi mở, gắn liền với thực tiễn và đòi hỏi học sinh phải vận dụng kiến thức tổng hợp để giải quyết vấn đề, thay vì chỉ học thuộc lòng.
- Kiểm tra đánh giá trên máy tính:
- + Nhà trường đã triển khai kiểm tra trên máy thí điểm với bộ môn Tin học khối 7, 8, 9; bao gồm 01 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra định kỳ (kiểm tra giữ kỳ I) với 521 học sinh tham gia.
- + Ưu điểm: Giúp giáo viên thống kê lỗi sai phổ biến của học sinh một cách nhanh chóng, từ đó có biện pháp phụ đạo kịp thời.
- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.
- * Khó khăn, hạn chế:
- + Đánh giá bằng nhận xét: Nội dung nhận xét đôi khi còn lặp lại, mang tính hình thức, chưa thực sự "cá nhân hóa" cho từng học sinh.
- + Xây dựng bảng đặc tả: Một số giáo viên còn lúng túng khi xác định các mức độ tư duy trong bảng đặc tả đối với các môn học KHTN, Lịch sử & Địa lý.
- + Việc kiểm tra trên máy tính đôi khi gặp sự cố về đường truyền internet hoặc thiếu thiết bị tại phòng máy cho các lớp có sĩ số đông.
- + Một bộ phận phụ huynh vẫn nặng nề tâm lý điểm số, chưa thực sự quan tâm đến các nhận xét về phẩm chất và năng lực.
- * Nguyên nhân:
- + Áp lực về sĩ số lớp và khối lượng hồ sơ sổ sách điện tử khiến giáo viên chưa có nhiều thời gian đầu tư cho từng lời nhận xét chi tiết.
- + KHTN, Lịch sử và Địa lý là các môn tích hợp mới, tài liệu hướng dẫn chuyên sâu đôi khi còn chưa đồng bộ hoặc thay đổi theo từng năm học.
- + Cơ sở vật chất của trường đang trong quá trình nâng cấp, chưa đáp ứng hoàn hảo cho việc thực hiện kiểm tra đồng loạt trên máy.
- + Do thói quen cũ và chưa hiểu hết ý nghĩa cốt lõi của việc đổi mới đánh giá theo chương trình GDPT 2018 của một bộ phận phụ huynh.

2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh

a) Kết quả thực hiện

- Công tác quản lý và truyền thông

+ Nhà trường đã tổ chức quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 10-CT/TW về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng. Đã thay đổi được nhận thức của phần lớn giáo viên và phụ huynh: không còn coi học nghề là "lựa chọn yếu thế".

+ Tổ chức các buổi sinh hoạt dưới cờ, các tiết Hoạt động trải nghiệm - Hướng nghiệp (HĐTN-HN) theo chủ đề từng tháng (ví dụ: "Thế giới nghề nghiệp quanh ta", "Lựa chọn cho tương lai").

- Triển khai hoạt động cụ thể

+ Lồng ghép các nội dung hướng nghiệp vào các môn học văn hóa (Công nghệ, Giáo dục địa phương, KHTN) giúp học sinh nhận diện năng lực bản thân qua từng lĩnh vực.

+ Phối hợp với các trường Trung cấp, Cao đẳng nghề trên địa bàn Hải Phòng để cung cấp thông tin tuyển sinh.

+ Thực hiện tốt công tác khảo sát nguyện vọng học sinh khối 9.

b) Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

- Khó khăn, hạn chế:

+ Một bộ phận phụ huynh tại địa phương vẫn còn nặng tâm lý phải vào bằng được lớp 10 công lập, coi trọng bằng đại học hơn kỹ năng nghề nghiệp.

+ Nhà trường chưa tổ chức được các buổi tham quan thực tế tại doanh nghiệp, nhà máy, chủ yếu vẫn là tư vấn "chay" tại trường.

+ Một số giáo viên kiêm nhiệm công tác hướng nghiệp còn thiếu kiến thức chuyên sâu về thị trường lao động và xu hướng các ngành nghề mới trong kỷ nguyên 4.0.

- Nguyên nhân

* Nguyên nhân khách quan:

+ Do điều kiện kinh phí của nhà trường dành cho việc di chuyển, tổ chức cho học sinh đi tham quan thực tế tại các khu công nghiệp (như Trảng Dục, Vsip) còn hạn chế.

+ Thông tin về thị trường lao động tại địa phương Vĩnh Bảo chưa được cập nhật thường xuyên và hệ thống để cung cấp cho học sinh.

* Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác dự báo về nhu cầu lao động của giáo viên chủ nhiệm đôi khi chưa bắt kịp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng.

+ Sự phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Doanh nghiệp còn rời rạc, chưa tạo thành một "hệ sinh thái" hướng nghiệp khép kín.

2.5. Việc triển khai chuyển đổi số trong nhà trường

a) Xây dựng hạ tầng số và thiết bị dạy học hiện đại

- Phòng học thông minh & Phòng STEM: Nhà trường chưa có phòng học thông minh và phòng STEM.

- Thư viện số: Triển khai phần mềm quản lý thư viện trực tuyến, cho phép học sinh tra cứu tài liệu và đọc sách điện tử (e-book) thông qua máy tính hoặc thiết bị cá nhân tại trường.

- Thiết bị dạy học số: Nhà trường chưa trang bị các bộ thiết bị dạy học tối thiểu theo danh mục của Bộ GDĐT gắn liền với phần mềm mô phỏng, giúp trực quan hóa các kiến thức trừu tượng trong môn KHTN và Công nghệ do chi phí cao.

b) Xây dựng kho học liệu số và Bài giảng điện tử

- Kho học liệu số cấp đơn vị: Trường đã xây dựng hệ thống lưu trữ dùng chung phân loại theo khối lớp và môn học. Kho học liệu bao gồm: video thí nghiệm, sơ đồ tư duy, hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và các bài đọc bổ trợ.

- Số lượng bài giảng điện tử:

+ Trong học kỳ I, toàn trường đã xây dựng và nghiệm thu được 387 bài giảng điện tử.

+ Một số bài giảng được thiết kế dưới dạng tương tác (sử dụng iSpring, Storyline) có tích hợp kiểm tra đánh giá tự động.

+ Đã đóng góp 42 bài giảng vào kho học liệu dùng chung của Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Quản lý hồ sơ chuyên môn điện tử

Đây là bước đột phá trong công tác quản trị hành chính của nhà trường nhằm giảm tải áp lực sổ sách cho giáo viên:

- Thực hiện ký số và lưu trữ điện tử đối với các loại hồ sơ như: Kế hoạch bài dạy (Giáo án), Sổ điểm, Học bạ, Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn.

- Sử dụng đồng bộ hệ thống phần mềm quản lý trường học (như SMAS hoặc các nền tảng tương đương theo quy định của Sở GD&ĐT Hải Phòng).

- Đánh giá hiệu quả:

+ Giảm thiểu đáng kể chi phí in ấn và không gian lưu trữ vật lý.

+ Ban giám hiệu và Tổ trưởng chuyên môn có thể kiểm tra, góp ý giáo án của giáo viên mọi lúc, mọi nơi thông qua môi trường số, đảm bảo tính kịp thời và khách quan.

d) Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

- Khó khăn, hạn chế:

+ Việc xây dựng bài giảng điện tử tương tác (E-learning) tốn nhiều thời gian và đòi hỏi kỹ năng CNTT chuyên sâu.

+ Một số ít hồ sơ điện tử vẫn phải in ra để phục vụ công tác đối chiếu thủ công do chưa đồng bộ hoàn toàn giữa các phần mềm.

- Nguyên nhân:

+ Một bộ phận giáo viên còn lúng túng khi sử dụng các phần mềm thiết kế bài giảng nâng cao.

+ Quy định về tính pháp lý của một số loại văn bản số vẫn đang trong giai đoạn chuyển đổi, chưa nhất quán.

2.6 Việc tổ chức dạy thêm, học thêm, dạy học liên kết trong nhà trường.

a) Việc tổ chức dạy thêm, học thêm

- Về quy mô và số lượng

+ Số lượng học sinh tham gia ôn thi vào lớp 10: 149/156 học sinh lớp 9, chiếm 95,51%. Tập trung ở 03 môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

+ Số lượng học sinh tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi: 52/691 tổng số học sinh của trường, chiếm 7,53%. Khối 6,7 tập trung ở 03 môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Khối 8 tập trung ở các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán bằng Tiếng Anh, KHTN bằng Tiếng Anh. Khối 9 tập trung ở các môn văn hóa: Toán; KHTN 1, 2, 3; Tin học; Ngữ văn; Lịch sử và Địa lý; GDCD.

Học sinh đăng ký tham gia trên tinh thần tự nguyện.

+ Số tiết ôn thi vào 10 trong học kỳ I: 408 tiết;

+ Số tiết bồi dưỡng học sinh giỏi trong học kỳ I: 544 tiết.

+ Số lượng giáo viên tham gia dạy thêm trong nhà trường: 17 đồng chí. 100% giáo viên tham gia dạy thêm trong nhà trường có đủ năng lực chuyên môn, sức khỏe và được cấp phép theo quy định. Nhà trường quản lý chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng giáo viên ép buộc học sinh học thêm dưới mọi hình thức.

+ Số lượng giáo viên tham gia dạy thêm ngoài nhà trường: 08 đồng chí. Nhà trường thực hiện rà soát, yêu cầu giáo viên cam kết không tổ chức dạy thêm ngoài nhà trường trái quy định. Giáo viên tham gia dạy tại các trung tâm, hộ kinh doanh có giấy phép đều thực hiện báo cáo đầy đủ với Ban Giám hiệu.

- Công tác tổ chức và quản lý

+ Nhà trường có đầy đủ đơn xin học thêm của học sinh (có ý kiến đồng ý của phụ huynh), phân chia lớp học ôn cuối cấp theo học lực để đảm bảo tính phù hợp của kiến thức.

+ Nội dung giảng dạy: Tập trung ôn tập, củng cố kiến thức đã học trong chính khóa, rèn luyện kỹ năng giải bài tập và phát triển năng lực tư duy, không dạy trước chương trình.

+ Cơ sở vật chất: Các lớp học thêm đảm bảo đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, vệ sinh và an ninh trật tự.

b) Việc tổ chức dạy học liên kết: Trong học kỳ I, nhà trường không tổ chức dạy học liên kết do chưa nhận được sự đồng thuận của 100% phụ huynh học sinh các lớp.

2.7. Kết quả các kỳ thi

a) Việc triển khai và tham gia các kỳ thi

- Các kỳ thi theo kế hoạch của ngành

+ Kỳ thi chọn Học sinh giỏi (HSG) các môn văn hóa lớp 9: Nhà trường đã tổ chức tuyển chọn và thành lập các đội tuyển HSG cấp trường, tham gia Kỳ thi chọn HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp xã với các môn: Toán, KHTN 1, KHTN 2, Tin học, Ngữ văn, LS&ĐL 1, LS&ĐL 2, GDCD. Trường có 02 học sinh được tham gia Kỳ thi chọn HSG cấp thành phố: Toán (01 HS), KHTN 2 (01 HS).

+ Kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ I: Tổ chức nghiêm túc, khách quan, đúng quy chế. Việc coi thi và chấm thi tập trung giúp đánh giá thực chất chất lượng dạy và học.

+ Khuyến khích học sinh tham gia các kỳ thi qua mạng như Violympic (Toán), IOE (Tiếng Anh), đấu trường VioEdu.

- Công tác bồi dưỡng:

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm học. Các tổ chuyên môn phân công giáo viên có kinh nghiệm phụ trách, có lộ trình ôn tập rõ ràng, bài bản.

b) Trường không có học sinh tham gia các kỳ thi theo chuẩn quốc tế để đạt chuẩn đầu ra theo quy định: IELST, TOEFL, các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh, tin học quốc tế...; chương trình tin học theo chuẩn quốc tế.

c) Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

- Khó khăn, hạn chế:

+ Kết quả thi HSG chưa đồng đều: Một số môn thể mạnh vẫn duy trì nhưng một số môn như Ngữ văn, Lịch sử, GDCD kết quả chưa bút phá.

+ Không có học sinh có chứng chỉ IELTS, MOS.

+ Áp lực thi cử: Một số học sinh gặp áp lực tâm lý khi tham gia nhiều kỳ thi cùng lúc (thi học kỳ, thi HSG).

- Nguyên nhân:

+ Do đội ngũ giáo viên cốt cán đôi khi bị quá tải công việc; học sinh chưa dành nhiều thời gian cho các môn chuyên biệt.

+ Chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp. Lệ phí thi các chứng chỉ quốc tế khá cao so với thu nhập trung bình của người dân; thiếu các trung tâm khảo thí gần địa phương.

+ Công tác tư vấn tâm lý học đường và sắp xếp lịch thi giữa các đơn vị đôi khi chưa thực sự nhịp nhàng.

1.8. Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục

* Học tập:

Xếp loại	Chỉ tiêu	Kết quả kỳ 1	So với chỉ tiêu đầu năm	So với cùng kỳ năm học trước
Tốt	28%	22,63%	Thiếu 5,37%	Tăng 2,35%
Khá	40%	40,87%	Thừa 0,87%	Tăng 0,62%
Đạt	30%	35,04%	Thừa 5,04%	Tăng 1,86%
Chưa đạt	2%	1,46%	Giảm 0,54%	Giảm 4,84

* Rèn luyện:

Xếp loại	Chỉ tiêu	Kết quả kỳ 1	So với chỉ tiêu đầu năm	So với cùng kỳ năm học trước
Tốt	88%	84,09%	Thiếu 3,91%	Tăng 0,99%
Khá	10%	13,43%	Thừa 3,43%	Tăng 1,14%
Đạt	2%	2,34%	Thừa 0,34%	Giảm 1,81%
Chưa đạt		0,14%	Tăng 0,14%	Giảm 0,32%

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Kết quả đạt được.

Trong học kỳ I năm học 2025-2026, Trường THCS Tân Hưng – Thị Trấn đã bám sát chỉ đạo của Sở GD&ĐT Hải Phòng và UBND xã Vĩnh Bảo, đạt được những kết quả tích cực:

- Duy trì ổn định nề nếp kỷ cương học đường. Tỷ lệ học sinh có kết quả rèn luyện xếp loại Khá, Tốt đạt 97,52%. Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập xếp loại từ mức Đạt trở lên đạt 98,54%.

- Nhà trường đã triển khai đồng bộ, hiệu quả chương trình GDPT 2018 cho tất cả các khối lớp; phương pháp dạy học có nhiều đổi mới theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Duy trì và phát huy vị thế của nhà trường trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp xã và thành phố.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy; 100% giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ dạy học và sổ điểm điện tử.

- Cảnh quan trường học luôn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; các phòng chức năng được khai thác tối đa công suất phục vụ thực hành, thí nghiệm.

3.2. Hạn chế cần khắc phục.

- Về phía học sinh: Một bộ phận nhỏ học sinh còn thiếu tính tự giác trong học tập, vẫn còn tình trạng vi phạm quy định về sử dụng điện thoại hoặc tham gia giao thông (xe máy điện) chưa đúng quy định.

- Về phía chuyên môn: Việc tổ chức các tiết dạy học trải nghiệm, hướng nghiệp quy mô lớn còn gặp khó khăn về kinh phí và phương tiện di chuyển.

- Cơ sở vật chất: Một số thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình GDPT 2018 dù đã được trang bị nhưng chưa đảm bảo hoặc qua quá trình sử dụng bắt đầu có dấu hiệu xuống cấp, cần bảo trì thường xuyên.

3.3. Đề xuất, kiến nghị.

- Đối với Sở GD&ĐT: Tiếp tục tổ chức các buổi tập huấn chuyên sâu về đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng đặc thù của từng môn học.

- Đối với UBND xã:

- + Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng các phòng máy tính và thiết bị dạy học đã cũ.

- + Phối hợp xử lý nghiêm các trường hợp học sinh vi phạm an toàn giao thông trên địa bàn.

- Đối với Phụ huynh học sinh: Đề nghị cha mẹ học sinh thường xuyên kiểm tra góc học tập tại nhà và phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm trong việc quản lý thời gian sử dụng thiết bị điện tử của con em./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c);
- UBND xã (để b/c);
- Ban đại diện CMHS trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng